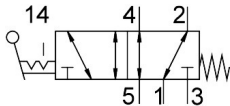


# Van khí nén tay gạt VHEF-V-B52-N18

Số bộ phận: 5300041

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                            |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/2 lưỡng ổn định                                                  |
| Kiểu vận hành                                              | thủ công                                                           |
| Chiều rộng lắp đặt                                         | 20 mm                                                              |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 750 l/ph                                                           |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | 1/8 NPT                                                            |
| Áp suất vận hành                                           | -0.095 MPA...1 MPA<br>-0.95 bar...10 bar                           |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                                               |
| Chiều rộng định mức                                        | 5.2 mm                                                             |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                                                   |
| Lưu ý áp dụng                                              | kích hoạt chỉ bằng tay                                             |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                                |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                             |
| Nút ghi đè                                                 | khớp                                                               |
| Kiểu điều khiển                                            | trực tiếp                                                          |
| Hướng dòng chảy                                            | có thể đảo ngược                                                   |
| Xếp chồng                                                  | gối chống dương                                                    |
| Tần số chuyển mạch tối đa                                  | 0.5 Hz                                                             |
| Chống cháy nổ                                              | Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]                               |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)      |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                           |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B1/B2-L                                                  |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -10 °C...60 °C                                                     |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | -10 °C...60 °C                                                     |
| Mô men xoắn kích hoạt                                      | 1.1 N m                                                            |
| Mô men mở khóa                                             | 0.6 N m                                                            |
| Lực tối đa khi kích hoạt                                   | 200 N                                                              |
| Lực đẩy tối đa khi kích hoạt                               | 140 N                                                              |

| Đặc tính             | Giá trị                                                  |
|----------------------|----------------------------------------------------------|
| trọng lượng sản phẩm | 208 g                                                    |
| Kiểu gắn             | Lắp bảng điều khiển phía trước<br>với lỗ xuyên<br>tùy ý: |
| Cổng nối khí nén 1   | 1/8 NPT                                                  |
| Cổng nối khí nén 2   | 1/8 NPT                                                  |
| Cổng nối khí nén 3   | 1/8 NPT                                                  |
| Cổng nối khí nén 4   | 1/8 NPT                                                  |
| Cổng nối khí nén 5   | 1/8 NPT                                                  |
| Ghi chú vật liệu     | Tuân thủ RoHS                                            |
| Vật liệu phủ         | PA gia cố                                                |
| Vật liệu của phốt    | NBR                                                      |
| Vật liệu vỏ          | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                               |
| Vật liệu cần         | PA gia cố                                                |